

Số: *113*/2021/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày *23* tháng *11* năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy,  
biên chế, số lượng người làm việc, vị trí việc làm của tỉnh Quảng Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng lao động một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của



*Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;  
Căn cứ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1773/TTr-SNV ngày 15 tháng 10 năm 2021.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc, vị trí việc làm của tỉnh Quảng Bình.


**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2021. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc, vị trí việc làm của tỉnh Quảng Bình và Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ khoản 5 Điều 15 Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc, vị trí việc làm của tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND hết hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- VPUBND tỉnh;
- Báo Quảng Bình; Đài PT&TH Quảng Bình;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NCVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

(B/c) 

**Trần Thắng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**QUY ĐỊNH**

**Phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế,  
số lượng người làm việc, vị trí việc làm của tỉnh Quảng Bình**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND  
ngày 23 tháng 1 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ, vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Quảng Bình.

**2. Đối tượng áp dụng**

- a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi tắt là sở).
- b) Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.
- c) Văn phòng, thanh tra, phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của sở.
- d) Phòng thuộc cơ cấu tổ chức của chi cục thuộc sở.
- đ) Các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được giao thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý hành chính nhà nước.
- e) Văn phòng, phòng, chi cục và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
- f) Tổ chức hành chính cấp huyện gồm: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- g) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1 thuộc tỉnh).
- h) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, tổ chức hành chính khác cấp tỉnh hoặc thuộc đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1 thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là đơn vị sự nghiệp công lập cấp 2 thuộc tỉnh).
- i) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc sở, tổ chức hành chính khác cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là đơn vị sự nghiệp công lập cấp 3 thuộc tỉnh).

k) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi tắt là đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1 thuộc huyện).

l) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác cấp huyện (sau đây gọi tắt là đơn vị sự nghiệp công lập cấp 2 thuộc huyện);

m) Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập của các tổ chức, cá nhân.

n) Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 1 thuộc tỉnh).

o) Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài trực thuộc sở, tổ chức hành chính khác cấp tỉnh hoặc trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1 thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 2 thuộc tỉnh).

p) Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 1 thuộc huyện).

q) Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài trực thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính cấp huyện hoặc trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1 thuộc huyện (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 2 thuộc huyện).

r) Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức xã hội được thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, có phạm vi hoạt động trong tỉnh (sau đây gọi là hội cấp tỉnh); phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là hội cấp huyện); phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là hội cấp xã).

s) Các quỹ xã hội, quỹ từ thiện (sau đây gọi chung là quỹ). Quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh (sau đây gọi là quỹ cấp tỉnh); phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là quỹ cấp huyện); phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là quỹ cấp xã).

### 3. Các loại biên chế được điều chỉnh

a) Biên chế công chức là số lượng công chức được giao để bố trí trong các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện.

b) Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ) là số lượng lao động hợp đồng để thực hiện một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ) và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công

chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ).

**Điều 2. Nội dung quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, hội, quỹ, biên chế, số lượng người làm việc, vị trí việc làm**

**1. Nội dung quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy**

a) Thành lập, tổ chức lại, giải thể; quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của các tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài; phân loại, xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo việc thực hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quy định này.

**2. Nội dung quản lý nhà nước về hội**

Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

**3. Nội dung quản lý nhà nước về quỹ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

**4. Nội dung quản lý nhà nước về biên chế công chức, số lượng người làm việc**

a) Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về biên chế công chức, số lượng người làm việc; hướng dẫn xác định biên chế công chức, số lượng người làm việc và quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc.

b) Lập kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc hàng năm, điều chỉnh biên chế công chức, số lượng người làm việc.

c) Quyết định biên chế công chức, số lượng người làm việc; phân bổ, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc.

d) Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc.

đ) Thống kê, tổng hợp và báo cáo biên chế công chức, số lượng người làm việc.

**5. Nội dung quản lý nhà nước về vị trí việc làm**

a) Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và văn bản quy phạm pháp luật về vị trí việc làm.

b) Thẩm định đề án vị trí việc làm, đề án điều chỉnh vị trí việc làm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt theo quy định.

c) Quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

d) Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện vị trí việc làm, cơ cấu

ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

đ) Thống kê, tổng hợp và báo cáo về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về quản lý vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Nguyên tắc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc, vị trí việc làm**

#### 1. Nguyên tắc quản lý tổ chức bộ máy

a) Bảo đảm sự thống nhất lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước; nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trách nhiệm của các cấp, các ngành, trách nhiệm cá nhân người đứng đầu.

b) Bảo đảm bộ máy tinh gọn, thu gọn đầu mối, giảm bớt tổ chức trung gian, tổ chức quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, phù hợp với tình hình thực tế; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, điều hành; thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp, các ngành; tránh bỏ sót, trùng lặp trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị; một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì.

c) Tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác tổ chức bộ máy.

d) Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý tổ chức bộ máy; bảo đảm quyền chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy theo quy định của pháp luật.

đ) Quy định quản lý gắn liền với việc tăng cường trách nhiệm thanh tra, kiểm tra và nâng cao trách nhiệm, thẩm quyền của các cấp, các ngành, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

#### 2. Nguyên tắc quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc

a) Tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc và vị trí việc làm.

b) Bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc với tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

c) Kết hợp giữa quản lý biên chế công chức; số lượng người làm việc với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm của công chức, viên chức.

d) Đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, bảo đảm biên chế công chức, số lượng người làm việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

đ) Công khai, minh bạch, dân chủ trong quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc.

#### 3. Nguyên tắc quản lý vị trí việc làm

a) Tuân thủ, thực hiện nghiêm các quy định, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về vị trí việc làm, quản lý, sử dụng biên chế công chức, số

3



lượng người làm việc; gắn tinh giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và phù hợp với thực tiễn.

d) Đối với các cơ quan, tổ chức hành chính ngoài các nguyên tắc nêu trên còn phải bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức với sử dụng và quản lý biên chế công chức.

đ) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập ngoài các nguyên tắc nêu trên còn phải thực hiện các nguyên tắc sau:

- Bảo đảm một người làm việc phải được giao đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian lao động quy định. Những vị trí việc làm không có đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian quy định của một người làm việc thì phải bố trí kiêm nhiệm.

- Bảo đảm cơ cấu hợp lý, trong đó số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung chiếm tỉ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập.

## Chương II

### VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY

#### Điều 4. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trình Thủ tướng Chính phủ thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1 thuộc tỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Quyết định thành lập, tổ chức lại hoặc giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập cấp 2, cấp 3 thuộc tỉnh, Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 1, cấp 2 thuộc tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định thành lập, tổ chức lại hoặc giải thể:

a) Các tổ chức thuộc sở, tổ chức hành chính khác cấp tỉnh gồm: Văn phòng, thanh tra, phòng chuyên môn, nghiệp vụ; chi cục, tổ chức tương đương chi cục thuộc sở, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Các tổ chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1 thuộc tỉnh, Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 1 thuộc tỉnh.

5. Cho phép Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, tổ chức lại,

giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1 thuộc huyện và Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 1 thuộc huyện.

6. Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của sở, tổ chức hành chính khác cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1 thuộc tỉnh và Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 1 thuộc tỉnh.

7. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 ngày 18/9/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

8. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của cấp mình theo quy định của Luật chuyên ngành.

9. Quyết định thành lập và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý.

10. Hàng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ và bộ quản lý ngành, lĩnh vực về tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **Điều 5. Thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Quyết định hoặc cho phép các tổ chức, cá nhân quyết định thành lập, tổ chức lại hoặc giải thể các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (thuộc cấp tỉnh quản lý) theo quy định.

2. Quyết định phân loại, xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1, cấp 2, cấp 3 thuộc tỉnh.

3. Quyết định cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, giải thể, phê duyệt điều lệ (hoặc quy chế tổ chức hoạt động), cho phép tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường đối với hội cấp tỉnh (trừ các hội thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy).

4. Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; mở rộng phạm vi hoạt động và kiện toàn, chuyển đổi quỹ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh; Quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động trong phạm vi cấp huyện, cấp xã.

#### **Điều 6. Thẩm quyền và trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ**

1. Xây dựng đề án (được Ủy ban nhân dân tỉnh giao) hoặc thẩm định đề án (do các tổ chức hành chính nhà nước cấp tỉnh xây dựng), chuẩn bị hồ sơ để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1 thuộc tỉnh thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.



2. Xây dựng đề án (được Ủy ban nhân dân tỉnh giao) hoặc thẩm định đề án (do các tổ chức hành chính nhà nước cấp tỉnh xây dựng), chuẩn bị hồ sơ để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Xây dựng đề án (được Ủy ban nhân dân tỉnh giao) hoặc thẩm định đề án (do các sở, tổ chức hành chính khác cấp tỉnh, Ban Quản lý dự án cấp 1 thuộc tỉnh xây dựng) trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại hoặc giải thể Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 1 thuộc tỉnh.

4. Thẩm định đề án, tờ trình và dự thảo quyết định trước khi các cơ quan, đơn vị trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của sở, tổ chức hành chính khác cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1 thuộc tỉnh, Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 1 thuộc tỉnh.

5. Xây dựng đề án (được Ủy ban nhân dân tỉnh giao) hoặc thẩm định đề án trước khi các cơ quan, đơn vị trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại hoặc giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập cấp 2, cấp 3 thuộc tỉnh; Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 2 thuộc tỉnh và chi cục, tổ chức tương đương chi cục thuộc sở, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Thẩm định đề án trước khi các cơ quan, đơn vị trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể văn phòng, thanh tra, phòng chuyên môn thuộc sở, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Có ý kiến thẩm định trước khi các sở, tổ chức hành chính khác cấp tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục và tổ chức tương đương trực thuộc.

8. Có ý kiến thẩm định trước khi các sở, tổ chức hành chính khác cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1 thuộc tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập cấp 2, cấp 3 thuộc tỉnh và Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 2 thuộc tỉnh.

9. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1 thuộc huyện và Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 1 thuộc huyện.

10. Có ý kiến thẩm định trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập cấp 2 thuộc huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 2 thuộc huyện.

11. Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định hoặc cho phép các tổ chức, cá nhân thành lập các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (thuộc cấp tỉnh quản lý) hoạt động trên các lĩnh vực không thuộc phạm vi của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh quản lý chuyên ngành.

12. Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân loại, xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1, cấp 2, cấp 3 thuộc tỉnh.

13. Phối hợp với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng

3

*[Handwritten signature]*

dẫn, đôn đốc thi hành các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác tổ chức bộ máy.

14. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài.

15. Thực hiện công tác thống kê, tổng hợp, báo cáo về công tác tổ chức bộ máy.

16. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với hội cấp tỉnh hoạt động trên các lĩnh vực không thuộc phạm vi của các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh quản lý chuyên ngành.

17. Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, giải thể, phê duyệt điều lệ (hoặc quy chế tổ chức hoạt động), cho phép tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường đối với hội cấp tỉnh (trừ các hội thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy).

18. Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; mở rộng phạm vi hoạt động và kiện toàn, chuyển đổi quỹ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh; Quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động trong phạm vi cấp huyện, cấp xã.

#### **Điều 7. Thẩm quyền và trách nhiệm của Giám đốc sở, Thủ trưởng các tổ chức hành chính khác cấp tỉnh**

1. Phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng đề án (đối với các lĩnh vực đang được giao quản lý), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1 thuộc tỉnh thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

2. Phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng đề án (đối với các lĩnh vực đang được giao quản lý) về thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

3. Phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng đề án (đối với các lĩnh vực đang được giao quản lý) về thành lập, tổ chức lại, giải thể trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 1 thuộc tỉnh.

4. Xây dựng đề án, tờ trình, dự thảo quyết định trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ thẩm định) quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập cấp 2, cấp 3 thuộc tỉnh.

5. Xây dựng đề án, tờ trình, dự thảo quyết định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức trực thuộc gồm: Văn phòng,




thanh tra, phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của sở và Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 2 thuộc tỉnh sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ.

6. Tổng hợp, lập hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân loại, xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành.

7. Xây dựng đề án, tờ trình, dự thảo quyết định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ và Sở Tư pháp.

8. Quyết định:

a) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của văn phòng, thanh tra, phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc sở, tổ chức hành chính khác cấp tỉnh.

b) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục và tổ chức tương đương chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập cấp 2, cấp 3 thuộc tỉnh và Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 2 trực thuộc sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ;

9. Thỏa thuận để Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1, cấp 2 thuộc huyện thuộc lĩnh vực được giao quản lý.

10. Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc cho phép các tổ chức, cá nhân quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (thuộc cấp tỉnh quản lý) hoạt động trên các lĩnh vực được giao quản lý.

11. Công nhận Ban vận động thành lập hội, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với hội, quỹ hoạt động trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

12. Tham gia với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện về đề án tổ chức bộ máy có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý của cơ quan.

13. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc thực hiện các quy định của cấp có thẩm quyền về công tác tổ chức bộ máy.

14. Xây dựng mô hình tổ chức, tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, hiệu quả hoạt động của các tổ chức thuộc và trực thuộc.

15. Trực tiếp quản lý về tổ chức và hoạt động của các tổ chức thuộc và trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

16. Ban hành quy chế làm việc của cơ quan và phê duyệt quy chế làm việc của các tổ chức trực thuộc.

17. Hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) về tình hình công tác tổ chức bộ máy của cơ quan.

18. Ngoài trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước cấp

tính nêu từ khoản 1 đến khoản 17 Điều này, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính còn có trách nhiệm:

a) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thẩm tra thủ tục, hồ sơ theo quy định hiện hành việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các quỹ tài chính nhà nước.

### **Điều 8. Thẩm quyền và trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1 thuộc tỉnh**

1. Xây dựng đề án, tờ trình, dự thảo quyết định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị mình sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ.

2. Xây dựng đề án, tờ trình, dự thảo quyết định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức thuộc gồm: Phòng chuyên môn, Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ.

#### **3. Quyết định:**

a) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc đơn vị;

b) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập và Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài trực thuộc sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ;

c) Chấm điểm, tổng hợp, lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ thẩm định, trình) quyết định phân loại, xếp hạng đơn vị và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo hướng dẫn của các Bộ quản lý chuyên ngành.

### **Điều 9. Thẩm quyền và trách nhiệm của Chi cục trưởng và thủ trưởng các tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của sở, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập cấp 2 thuộc tỉnh**

1. Xây dựng đề án, dự thảo quyết định trình cơ quan có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị.

2. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của các tổ chức thuộc thẩm quyền.

3. Tự tổ chức chấm điểm, đánh giá, lập hồ sơ báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ thẩm định, trình) quyết định phân loại, xếp hạng đơn vị sự nghiệp theo hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành.

### **Điều 10. Thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch hội cấp tỉnh**

1. Thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội để hoạt động theo quy định của pháp luật.




2. Thành lập các tổ chức hội cơ sở trực thuộc (không có tư cách pháp nhân) theo điều lệ (hoặc quy chế tổ chức hoạt động) và quy định của pháp luật.

**Điều 11. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, chia, tách hoặc giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1 thuộc huyện và Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 1 thuộc huyện sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ thống nhất và trình).

3. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ sở giáo dục công lập, gồm: Trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó không có cấp học trung học phổ thông), trường tiểu học, trường mầm non, trung tâm học tập cộng đồng, các cơ sở giáo dục khác (nếu có) thuộc thẩm quyền quản lý, bảo đảm phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường học đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập cấp 2 thuộc huyện (sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ và thỏa thuận của cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh quản lý chuyên ngành).

5. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1, cấp 2 thuộc huyện, Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài cấp 1 thuộc huyện.

6. Quyết định phân loại, xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1, cấp 2 thuộc huyện theo hướng dẫn của các Bộ quản lý chuyên ngành.

7. Ban hành quy chế làm việc của cơ quan và phê duyệt quy chế làm việc của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Tham gia ý kiến về các đề án tổ chức của các sở, ngành có liên quan đến tổ chức thuộc huyện.

9. Quản lý tổ chức bộ máy, sơ kết, tổng kết, báo cáo đánh giá tổ chức và hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc.

10. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với hội, quỹ cấp huyện và cấp xã theo quy định và phân cấp quản lý.

11. Hàng năm, báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện với Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 12. Thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Quyết định thành lập, tổ chức lại hoặc giải thể và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Dự án đầu tư nước ngoài cấp 2 thuộc huyện.

2. Cho phép các tổ chức, cá nhân thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (thuộc cấp huyện quản lý) theo quy định.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề án về tổ chức bộ máy các tổ chức hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Quyết định cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, giải thể, phê duyệt điều lệ (hoặc quy chế tổ chức hoạt động), tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường đối với hội cấp huyện, xã.

5. Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; mở rộng phạm vi hoạt động và kiện toàn, chuyển đổi quỹ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, xã; trừ trường hợp quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã.

### Chương III

## VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

### Điều 13. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Hàng năm, trình Bộ Nội vụ kế hoạch biên chế công chức hoặc điều chỉnh biên chế công chức trong các tổ chức hành chính; kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên của tỉnh.

2. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổng biên chế công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong tổng biên chế công chức được Bộ Nội vụ giao. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên đã được Bộ Nội vụ thẩm định.

3. Quyết định giao, điều chỉnh chỉ tiêu biên chế công chức trong các cơ quan hành chính, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.




5. Quyết định giao chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ cho các tổ chức, đơn vị, địa phương.

6. Thực hiện chế độ thống kê, tổng hợp, báo cáo về tình hình thực hiện quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc theo quy định.

**Điều 14. Thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

Chỉ đạo các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch biên chế công chức và kế hoạch số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

**Điều 15. Thẩm quyền và trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ**

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung tại Điều 13, Điều 14 Quy định này.

2. Hướng dẫn các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Tổng hợp, thẩm định kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh để phân bổ cụ thể chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ cho các tổ chức, đơn vị, địa phương.

5. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ đối với các cơ quan, đơn vị.

6. Có ý kiến đối với số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

7. Tổng hợp, thống kê, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nội vụ, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh về biên chế công chức, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý.

**Điều 16. Thẩm quyền và trách nhiệm của Thủ trưởng các tổ chức hành chính cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập cấp 1 thuộc tỉnh**

1. Hàng năm xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số

161/2018/NĐ-CP của Chính phủ của cơ quan, đơn vị gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời gian gửi kế hoạch biên chế công chức chậm nhất là ngày 20/6; kế hoạch số lượng người làm việc chậm nhất là ngày 10/4.

2. Bố trí, sử dụng, quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

3. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ (hàng năm và khi có yêu cầu) về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

### **Điều 17. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Hàng năm xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ của cơ quan, đơn vị gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định. Thời gian gửi kế hoạch biên chế công chức hàng năm chậm nhất là ngày 20/6; kế hoạch số lượng người làm việc chậm nhất là ngày 10/4.

2. Phân bổ biên chế công chức, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP cho các tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ (hàng năm và khi có yêu cầu) về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ gửi Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

### **Điều 18. Thẩm quyền và trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập**

1. Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên

a) Xây dựng kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm của đơn vị, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp để gửi Sở Nội vụ thẩm định.

b) Quyết định số lượng người làm việc hàng năm của đơn vị sau khi có ý kiến của Sở Nội vụ.

c) Bố trí, sử dụng, quản lý số lượng người làm việc theo các nội dung quy định của Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

d) Thực hiện chế độ thống kê tình hình quản lý, sử dụng số lượng người làm việc báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp gửi Sở Nội vụ (trước ngày 10/4 hàng năm) để tổng hợp báo cáo.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên



và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

a) Lập kế hoạch số lượng người làm việc, kế hoạch điều chỉnh số lượng người làm việc hàng năm của đơn vị gửi cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Thống kê, tổng hợp số lượng người làm việc của đơn vị, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp.

c) Bố trí, sử dụng, quản lý số lượng người làm việc theo các nội dung quy định của Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

## Chương IV

### VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ VỊ TRÍ VIỆC LÀM

#### **Điều 19. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng đề án vị trí việc làm hoặc điều chỉnh vị trí việc làm; xây dựng cơ cấu công chức, viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

2. Quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý.

3. Quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

6. Thống kê, tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo quy định.

#### **Điều 20. Thẩm quyền và trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ**

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung tại Điều 19 quy định này.

2. Thẩm định đề án vị trí việc làm hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Thẩm định đề án vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên

và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

**Điều 21. Thẩm quyền và trách nhiệm của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Xây dựng đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý gửi Sở Nội vụ thẩm định.

2. Hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý xây dựng đề án vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo quy định.

3. Quyết định phê duyệt vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý. Nội dung phê duyệt bao gồm:

- a) Danh mục vị trí việc làm;
- b) Chức danh nghề nghiệp viên chức tối thiểu tương ứng với vị trí việc làm;
- c) Khung năng lực của từng vị trí việc làm;
- d) Bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm tương ứng.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về quản lý vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Thống kê, tổng hợp, báo cáo về vị trí việc làm cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo quy định.

**Điều 22. Thẩm quyền và trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập**

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

Xây dựng Đề án vị trí việc làm; báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp trình cấp có thẩm quyền quyết định vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên

a) Xây dựng đề án vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị theo quy định.

b) Quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị. Nội dung phê duyệt bao gồm:

- Danh mục vị trí việc làm;
- Chức danh nghề nghiệp viên chức tối thiểu tương ứng với vị trí việc làm;

- Khung năng lực của từng vị trí việc làm;
  - Bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm tương ứng.
3. Thông kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp theo quy định.

## Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### **Điều 23. Quy định áp dụng khác đối với Ban Quản lý Dự án có vốn đầu tư nước ngoài**

Các Ban Quản lý dự án có vốn đầu tư nước ngoài có cam kết, thỏa thuận quốc tế, có hình thức quản lý dự án khác so với Quy định này thì việc quản lý dự án thực hiện theo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

### **Điều 24. Điều khoản thi hành**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức của tỉnh Quảng Bình căn cứ Quy định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan để triển khai thực hiện việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc, vị trí việc làm đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định trách nhiệm được viện dẫn trong Quy định này có sự thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới./

